

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST

Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Diêm Trọng Khoa.

Ông Trương Ngọc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 09/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học

vấn: 09/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Trịnh Thị Nh, sinh năm 1998; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 217, phố Nghĩa S 1, phường Tào X, thành phố TH2 Hóa, tỉnh TH2 Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Bá Tr, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Nguyễn Việt D, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sách G, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị O, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Mẫn X, xã Văn M, huyện Yên P, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 và bà Mẫn Thị S, sinh năm 1965; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Vũ Trung K, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

6. Nguyễn Đức T, sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Duệ Đ, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1944; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1973 và có 02 con, con

lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

7. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

8. Phạm Trung H, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 357, khu 4, phường Thị C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1953 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1955; gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Đàm Thị H, sinh năm 1979 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 257/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18.000.000đ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 24/11/2015; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

9. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Nguyễn Năng T, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

10. Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1975; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1952; gia

đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Hoàng Trọng H, sinh năm 1972 (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

11. Hoàng Trọng H, sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng G, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1937; gia đình có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1975 (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2021 đến ngày 06/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

* *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Lũng Gi, thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03/11/2021, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Công an xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang tại tầng một nhà của Nguyễn Văn H ở thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh có hai bàn đánh bạc sạt phạt nhau B2 tiền (*B2 hình thức đánh sâm*) cụ thể như sau: Bàn bạc thứ nhất gồm có Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu D, Phạm Trung H, Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ch. Vật chứng thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 chăn màu xanh có hoa văn kích thước (1,4 x 1) mét, tiền tại CH1 bạc là 29.950.000 đồng, 03 thảm hình vuông có hoa văn kích thước (40 x 40)cm. Bàn thứ hai gồm có: Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H, Nguyễn Việt D, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, trú tại: thôn Mẫn X, xã Văn M, huyện Yên P, tỉnh Bắc Ninh. Vật chứng thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh, 01 thảm màu đỏ có hoa văn kích thước (2 x 2,2) mét, tiền tại CH1 bạc là 41.500.000 đồng và 02 thảm hình vuông có hoa văn kích thước (40 x 40) cm.

Ngoài ra còn thu giữ của Phạm Trung H 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen, Nguyễn Hữu D 01 điện thoại di động Samsung màu đen, Nguyễn Thị Th 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Nguyễn Thị Ch 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Trịnh Thị Nh

01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Hoàng Trọng H 01 điện thoại di động Iphone màu đen, Nguyễn Việt D 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động Iphone màu xanh và 50.500.000đồng; Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max màu xanh và 350.000đồng.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Nguyễn Văn H. Kết quả không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận:

Khoảng 14 giờ, ngày 03/11/2021, Nguyễn Văn H đang ở nhà tại thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D thì có Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Ch đến nhà của H chơi, sau khi gặp H mọi người nói với H cho mọi đánh bạc được thua B2 tiền. H đồng ý lấy 01 chẵn màu xanh có hoa văn kích thước (1,4 x 1) mét trải xuống nền nhà và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân màu xanh bỏ xuống cH1 bạc, sau đó các đối tượng Toàn, D1, Th và Ch ngồi xuống đánh bạc B2 hình thức đánh “Sâm”, khi các đối tượng đánh được khoảng 10 phút thì Phạm Trung H đến và cùng tham gia đánh bạc với Toàn, D1, Th và Ch (gọi là cH1 bạc thứ nhất). Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày có Nguyễn Thị T, Nguyễn Việt D, Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn B lần lượt đến nhà H đánh bạc, H tiếp tục lấy 01 thảm màu đỏ có hoa văn kích thước (02 x 2,2) trải xuống nền nhà tại tầng 1 cạnh bàn bạc thứ nhất và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh để các đối tượng đánh bạc. Sau đó, T, D, Nh, H2 và B ngồi xuống đánh bạc dưới hình thức đánh “Sâm” (gọi là cH1 bạc thứ hai).

Quá trình đánh bạc, tại cH1 bạc thứ nhất các đối tượng thống nhất quy định, nếu bài của người “Sâm” đánh xuống mà những người còn lại không ai chặn được thì được “Sâm”, những người còn lại phải trả cho người “Sâm” mỗi người là 700.000 đồng, nếu người hô “Sâm” bị chặn dù chỉ một lần thì sẽ phải đền cho người chặn là 2.800.000đồng (gọi là bắt “Sâm”). Nếu không ai hô “Sâm”, thì người chia bài sẽ đánh đầu tiên, theo vòng tay phải mỗi người được đánh xuống một lá hoặc một bộ nhiều lá. Người đánh sau phải đánh bài cùng loại và cao hơn người đánh trước. Trong vòng đánh nếu một người bỏ lượt thì coi như bỏ cả vòng. Nếu không ai chặn được tiếp thì người đánh cuối cùng được ra bài bắt đầu vòng mới. Khi người đầu tiên đánh hết bài, những người còn lại coi như thua và phải trả tiền thua bạc cho người thắng bạc B2 số quân bài người đó chưa đánh được nhân với 50.000 đồng/01 lá bài. Khi một người chưa đánh được lá bài nào mà người khác đã đánh hết bài, gọi là “Treo” thì phải trả cho người thắng bạc là 500.000đồng, nếu trong ván người nào bị

chặn “Tứ quý” thì người bị chặn “Tứ quý” phải trả cho người chặn là 500.000 đồng. Hình thức đánh bạc của cả 02 bàn bạc đều giống nhau, nhưng tại cH1 bạc thứ hai các đối tượng quy định, đánh bạc đánh “Sâm” 50.000 đồng/1 lá, “Sâm” là 1.000.000đồng, bị bắt “Sâm” là 4.000.000đồng, “Treo” là 700.000 đồng. Cả hai cH1 bạc đều quy định nếu ai được “Sâm” thì bỏ ra ngoài cho H chủ nhà 50.000đồng.

H không tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ của ai, đồng ý cho các đối tượng đánh bạc và mở cửa để các đối tượng đến đánh bạc, trải chăn, thảm và lấy bài để các đối tượng đánh bạc, khi các đối tượng đánh bạc được sâm thì có bỏ ra ngoài 50.000đồng/1 lần thắng sâm để cho H, quá trình các đối tượng đánh bạc thắng sâm có bỏ ra ngoài chiếc bạc cho H 350.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch, Phạm Trung H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Việt D, Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn B khai nhận điện thoại di động của các bị cáo bị thu giữ không liên quan đến hành vi đánh bạc và số tiền 50.500.000đồng thu giữ của Nguyễn Văn B không liên quan đến đánh bạc. Ngày 05/12/2021, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 56/PC02 trả lại các bị cáo số tài sản này. Ngày 06/12/2021, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã trả: Phạm Trung H 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen, Nguyễn Hữu D 01 điện thoại di động Samsung màu đen, Nguyễn Thị Th 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Nguyễn Thị Ch 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Trịnh Thị Nh 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Hoàng Trọng H 01 điện thoại di động Iphone màu đen, Nguyễn Việt D 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động Iphone màu xanh và 50.500.000 đồng.

Số tiền mà các bị cáo khai nhận mang đi đánh bạc phù hợp với số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hai bàn bạc và số tiền 350.000đồng do Nguyễn Văn H giao nộp là của các bị cáo đánh bạc mà có.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P2 ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo các điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Trịnh Thị Nh, Nguyễn Việt D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Phạm Trung H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Hoàng Trọng H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo H khai nhận từ khoảng 14 giờ ngày 03/11/2021 bị cáo có đồng ý để 10 bị cáo còn lại đánh bạc tại nhà mình B2 hình thức đánh sâm. Mặc dù bị cáo không thu tiền hồ nhưng bị cáo có nhận tiền do các đối tượng đánh bạc được sâm bỏ ra cho bị cáo 50.000 đồng. Ngày hôm đó bị cáo đã nhận được 350.000 đồng từ các đối tượng đánh bạc.

Các bị cáo chơi ở bàn bạc thứ nhất gồm: Toàn, D1, Ch, Thảo và H1 khai nhận: khi đánh bạc Th ngồi tại vị trí giáp chân cầu thang lên tầng hai nhà H, các đối tượng ngồi theo hình vòng tròn, tính từ bên tay phải Th lần lượt là Toàn, H1, D1 và Ch (Ch ngồi giáp bên tay trái Th). Quá trình đánh bạc bị cáo Toàn khai: bị cáo sử dụng số tiền 7.100.000 đồng để đánh bạc, đánh bạc có ván thắng, ván thua, bắt được sâm một ván bỏ ra ngoài cH1 bạc 50.000 đồng, khi bị bắt quả tang Toàn thua 2.100.000 đồng, bị thu giữ 5.000.000 đồng. Bị cáo D1 sử dụng số tiền 6.300.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc D1 thắng sâm một ván bỏ ra ngoài cH1 bạc 50.000 đồng, D1 đánh thua 6.200.000 đồng, khi bị bắt quả tang D1 còn 100.000 đồng. Bị cáo Th sử dụng số tiền 5.600.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng sâm một ván bỏ ra ngoài 50.000 đồng, khi bị bắt quả tang Th thua 3.400.000 đồng, còn 2.200.000 đồng. Ch sử dụng số tiền 5.200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Ch thắng 14.900.000 đồng, thắng sâm một ván bỏ ra ngoài 50.000 đồng, bị thu giữ 20.100.000 đồng tại cH1 bạc. Bị cáo H1 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc có ván thắng, ván thua, H1 thắng sâm một ván bỏ ra ngoài chiếc bạc 50.000 đồng khi bị bắt quả tang H1 thua 3.450.000 đồng, bị thu giữ 2.550.000 đồng tại cH1 bạc. Các bị cáo đánh bạc liên tục đến 17 giờ ngày 03/11/2021 thì bị Công an tỉnh Bắc Ninh phát hiện bắt quả tang. Thu giữ toàn bộ tiền tại cH1 bạc là: 29.950.000 đồng.

Các bị cáo chơi ở bàn bạc thứ hai gồm: H2, Nh, D, T và B khai nhận: Quá trình đánh bạc, H2 ngồi tại vị trí gần cửa ra vào phía sau nhà H, các đối tượng ngồi theo hình vòng tròn, từ bên tay phải H2 lần lượt là D, T, B và Nh (Nh ngồi giáp bên tay trái H2). Khi đánh bạc, Nh sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng sâm một ván bỏ ra ngoài cH1 bạc 50.000 đồng, khi bị bắt quả tang Nh thua 2.500.000 đồng, số tiền còn lại bị thu giữ tại cH1 bạc là 7.500.000 đồng. H2 sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 2.050.000 đồng, số tiền còn lại bị thu giữ tại cH1 bạc là 2.950.000 đồng. B mang theo 60.500.000 đồng, sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 50.500.000 đồng không

liên quan đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 5.800.000đồng, khi bị bắt quả tang bị thu giữ 15.800.000đồng tại cH1 bạc. D sử dụng số tiền 8.600.000đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc có ván thắng, ván thua, D thắng sâm được một ván, bỏ ra cH1 bạc 50.000đồng, khi bị bắt quả tang D đang thua 5.100.000đồng, số tiền còn lại 3.500.000đồng bị thu giữ tại cH1 bạc. T sử dụng số tiền 8.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T thắng 3.750.000đồng, khi bị bắt quả tang thu giữ tại cH1 bạc 11.750.000đồng. Các bị cáo đánh bạc liên tục đến 17 giờ ngày 03/11/2021 thì bị Công an tỉnh Bắc Ninh phát hiện bắt quả tang. Thu giữ toàn bộ tiền tại cH1 bạc là: 41.500.000 đồng. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Trịnh Thị Nh, Nguyễn Việt D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Phạm Trung H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Hoàng Trọng H phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a, c khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 20 đến 30 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. xử phạt bị cáo Phạm Trung H từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn B và Trịnh Thị Nh, mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Hữu D mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo từ 18 đến

24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Việt D, Nguyễn Thị T, Hoàng Trọng H, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Ch mỗi bị cáo từ 20 đến 30 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 71.800.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 02 bộ tú lơ khơ màu xanh; 01 chăn màu xanh có hóa văn, kích thước (1,4 x 1) mét; 05 thảm hình vuông có hoa văn, kích thước (40 x 40)cm; 01 thảm màu đỏ có hóa văn, kích thước (2 x 2,2) mét;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh có Imei: 357095188270234 kèm 01 sim nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo đều thừa nhận phạm tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh; Điều tra viên Công an tỉnh Bắc Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc KH1 nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ, ngày 03/11/2021, tại tầng 1 nhà Nguyễn Văn H ở thôn Lộ B, xã Nội D, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh. H đã cho các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch

và Phạm Trung H đánh bạc được thua B2 tiền dưới hình thức đánh sâm ở bàn bạc thứ nhất. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày tiếp tục có Nguyễn Thị T, Nguyễn Việt D, Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn B đến nhà H để đánh bạc dưới hình thức đánh sâm ở bàn bạc thứ 2, được H đồng ý. H đều chuẩn bị trải chăn, thảm và lấy bài để các đối tượng đánh bạc và các bị cáo thống nhất ai bắt được sâm bỏ ra ngoài 50.000đồng cho H. H không tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ của ai. Quá trình đánh bạc các bị cáo thắng sâm đã bỏ ra cho H 350.000đồng. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Công an tỉnh Bắc Ninh phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại bàn bạc thứ nhất số tiền 29.950.000 đồng gồm các bị cáo: Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Phạm Trung H. Thu giữ tại bàn bạc thứ hai số tiền 41.500.000 đồng gồm các bị cáo: Nguyễn Thị T, Nguyễn Việt D, Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn B. Ngoài ra còn thu các vật chứng khác có liên quan đến việc đánh bạc tại 02 bàn bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Phạm Trung H sử dụng vào việc đánh bạc trong cùng một lần là 29.950.000đồng; tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Việt D, Trịnh Thị Nh, Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn B sử dụng vào việc đánh bạc trong cùng một lần là 41.500.000đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H là chủ nhà đã đồng ý để cho 10 người đánh bạc tại nhà mình trong cùng một lúc, đã tổ chức 02 CH1 bạc trở lên đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong cùng một lần là 71.800.000đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo các tình tiết định khung quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, lôi kéo nhiều người tham gia, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước mà chỉ tự đến nhà H và cùng tham gia đánh bạc. Trong đó bị cáo H có vai trò chính là chủ nhà, tổ chức 02 bàn bạc với 10 người

đánh bạc trong cùng 1 lúc với tổng số tiền đánh bạc tương đối lớn nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn. Đối với 10 bị cáo còn lại giữ vai trò ngang nhau khi cùng thực hiện hành vi đánh bạc. Trong đó các bị cáo ở bàn bạc thứ hai đánh bạc với số tiền lớn hơn các bị cáo ở bàn bạc thứ nhất. Do đó các bị cáo Nh, H2, D, B và T phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo Th, D1, H1, Toàn và Ch.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo H1 là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội Đánh bạc vào năm 2015 với hình phạt tiền 18.000.000 đồng. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Đối với các bị cáo còn lại đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cả 11 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Th, D1, Toàn, Ch, Nh, H2, D, B và T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ, bị cáo còn có công giúp Công an thị trấn L bắt giữ tội phạm và có tích cực ủng hộ Quỹ phòng chống dịch Covid- 19 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự; bị cáo D tự nguyện nộp số tiền 10.200.000đ và bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo H tự nguyện nộp số tiền 20.200.000đ và bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên hai bị cáo H và D bị cáo được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo D1, bị cáo Ch và bị cáo H2 mỗi bị cáo đều tự nguyện nộp số tiền 10.200.000đ; bị cáo Th nộp thêm số tiền 20.000.000đ; bị cáo T nộp số tiền 20.200.000 đồng nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo H, H1, B, Nh có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo nên không cần

cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng lương khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo còn lại là D, T, Th, Ch, H2, Toàn và D1 đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo đánh bạc với số tiền thấp hơn các bị cáo trên, nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, H1, B và Nh đều phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền các bị cáo đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với các công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 1 chiếc điện thoại thu của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Trịnh Thị Nh, Nguyễn Việt D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Phạm Trung H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Hoàng Trọng H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm a, c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo 20 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trung H 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo 10 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B và Trịnh Thị Nh mỗi bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt mỗi bị cáo 10 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Việt D; Hoàng Trọng H và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo 30 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Ch; Nguyễn Đức T và Nguyễn Hữu D mỗi bị cáo 20 triệu đồng.

Xác nhận các bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp số tiền 20.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0000301 ngày 25/02/2022; bị cáo Phạm Trung H nộp số tiền 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000296 ngày 18/02/2022; bị cáo D nộp số tiền 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0000299 ngày 25/02/2022; bị cáo D1 nộp số tiền 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0000300 ngày 25/02/2022; các bị cáo Ch và H2 mỗi bị cáo nộp số tiền 10.200.000đ theo các biên lai thu tiền số 0000319 và 0000320 ngày 18/3/2022; bị cáo Nguyễn Thị T nộp số tiền 20.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0000324 ngày 21/3/2022; bị cáo Nguyễn Thị Th nộp số tiền 20.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000323 ngày 21/3/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Tiên D, tỉnh Bắc Ninh; giao bị cáo Trịnh Thị Nh cho Ủy ban nhân dân phường Tào X, thành phố TH2 Hóa, tỉnh TH2 Hóa; giao bị cáo Phạm Trung H cho Ủy ban nhân dân phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 71.800.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 02 bộ tú lơ khơ màu xanh; 01 chăn màu xanh có hóa văn, kích thước (1,4 x 1) mét; 05 thảm hình vuông có hoa văn, kích thước (40 x 40)cm; 01 thảm màu đỏ có hóa văn, kích thước (2 x 2,2) mét;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh có Imei: 357095188270234 kèm 01 sim nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/01/2022 giữa Công an tỉnh Bắc Ninh (PC02) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Trịnh Thị Nh, Nguyễn Việt D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Phạm Trung H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Hoàng Trọng H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên HĐXX

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Diêm Trọng Khoa Trương Ngọc Cường

Nguyễn Trọng Trường